

Cơ hội và thách thức cho định giá rừng ở Việt Nam – Góc nhìn của các bên liên quan

Phạm Thu Thủy, Vũ Tấn Phương, Vũ Thị Hiền, Lương Thị Trường, Lê Ngọc Dũng, Đào Thị Linh Chi

Thông điệp chính:

- Chính sách định giá rừng tại Việt Nam là một bước tiến quan trọng giúp các bên có liên quan có thể nhìn nhận và đánh giá đầy đủ vai trò của rừng và ngành lâm nghiệp trong việc đóng góp vào nền kinh tế, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu cũng như cải thiện đời sống của cộng đồng địa phương.
- Các bên liên quan tới việc thực hiện chính sách định giá rừng và ảnh hưởng bởi chính sách định giá rừng rất đa dạng. Việc xem xét lồng ghép quan điểm, nhu cầu, nguyện vọng của các bên liên quan thông qua quá trình ra quyết định có sự tham gia của các bên là rất cần thiết.
- Hoàn thiện chính sách định giá rừng không chỉ bao gồm việc cải thiện phương pháp định giá rừng hiện nay để tính toán giá trị trực tiếp và gián tiếp của rừng, nâng cao năng lực cho các bên có liên quan, mà còn đặt ra yêu cầu về hoàn thiện quản trị lâm nghiệp, sự phối hợp hiệu quả, hài hòa và cập nhật kịp thời đảm bảo sự đồng bộ giữa các chính sách và giữa các ngành khác nhau. Những thay đổi trong chính sách để tạo ra đồng thời cả cơ chế tài chính khuyến khích và các biện pháp thực thi pháp luật hiệu quả cũng rất quan trọng.

Mở đầu

Định giá rừng là một trong những chính sách mới và nổi bật của Việt Nam. Chính sách này mang tới cơ hội lớn cho ngành lâm nghiệp trong việc giúp xã hội và các bên liên quan nhận định đúng và đủ giá trị của rừng và dịch vụ môi trường rừng đem lại cho sản xuất, đời sống của người dân và xã hội, đóng góp vào phát triển kinh tế địa phương cũng như giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Chính sách định giá rừng tại Việt Nam đã được ban hành và thực hiện từ năm 2008. Những thành tựu ban đầu từ việc thực hiện chính sách định giá rừng đã bước đầu được ghi nhận, nhưng đến nay chưa có báo cáo đánh giá đầy đủ và toàn diện nhằm cung cấp các thông tin cập nhật liên quan đến quá trình thực hiện, cơ hội, và thách thức đối với chính sách định giá rừng.

Rừng có vai trò quan trọng với nhiều bên liên quan trong xã hội và do vậy chính sách định giá rừng cũng có tác động tới các nhóm trong xã hội theo các cách khác nhau. Góc nhìn của từng bên trong quá trình thực hiện chính sách này cần được ghi nhận và chia sẻ để việc thực hiện chính sách định giá rừng được hiệu quả hơn và nhận được sự ủng hộ tích cực hơn từ các bên.

Tóm lược chính sách này ghi nhận những khó khăn và thuận lợi từ các góc nhìn khác nhau của các bên có liên quan trong quá trình thực hiện và các đề xuất sửa đổi chính sách nhằm thực hiện chính sách về định giá rừng hiệu quả hơn. Tóm lược chính sách này là sự hợp tác giữa Trung Tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR), Viện Khoa Học Lâm Nghiệp Việt Nam (VAFS), Trung tâm nghiên cứu và phát triển vùng cao (CERDA) và Trung tâm Vì sự phát triển bền vững miền núi (CSDM)¹. Để thực hiện nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu đã thực hiện nhiều phương pháp khác nhau, bao gồm rà soát các văn bản pháp luật liên quan, điều tra thông qua phiếu hỏi với sự tham gia của 27 tỉnh, họp nhóm và phỏng vấn sâu với chính quyền địa phương, các vườn quốc gia và khu bảo tồn (13VQG và 6 Khu BTNN), các doanh nghiệp tư nhân, các cộng đồng và các hộ gia đình trên cả nước (137 người).

¹ Báo cáo đầy đủ của nghiên cứu này có thể được download tại: <https://www.cifor.org/library/6404/kinh-nghim-quc-t-va-cac-xut-sa-i-khung-phap-l-v-nh-gia-rng-ti-viet-nam/>

Thuận lợi và thành tựu đem lại từ chính sách định giá rừng

Cam kết ủng hộ lớn từ các tỉnh. Tất cả đại diện từ chính quyền địa phương và VQG tham gia phỏng vấn trong nghiên cứu này đều cho rằng định giá rừng sẽ giúp cải thiện vị trí của ngành lâm nghiệp và vai trò của rừng tự nhiên trong tỉnh nên rất quan tâm đến chính sách này. UBND tỉnh tại các điểm khảo sát đều thể hiện cam kết và ủng hộ rất cao để có thể thực hiện được chính sách định giá rừng một cách hiệu quả.

Nhu cầu thuê rừng và dịch vụ rừng ngày càng tăng tạo ra những tín hiệu tích cực từ thị trường. Tại Thanh Hóa, Thái Nguyên và Vĩnh Phúc, các doanh nghiệp có nhu cầu rất cao về thuê rừng và đăng ký vọng những chính sách mới tạo điều kiện cho doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả trên đất rừng, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

Tiềm năng hỗ trợ công tác bảo vệ và phát triển rừng hiệu quả hơn. Tại nhiều VQG và khu bảo tồn (ví dụ VGQ Ba Vì), diện tích rừng bị suy thoái hoặc đất trống được các công ty du lịch thuê lại, đầu tư nhờ đó nâng cao đáng kể chất lượng dịch vụ môi trường rừng. Các công ty thuê rừng có các đội bảo vệ, phòng chống cháy rừng nên việc giám sát và báo cáo với cán bộ kiểm lâm kịp thời và hiệu quả hơn so với khi không có các công ty này tại địa phương. Người dân cho rằng định giá rừng giúp họ có hiểu biết tốt hơn về diện tích rừng họ đang bảo vệ và tạo thêm động lực bảo vệ rừng và có thể giảm tình trạng chuyển đổi rừng tự nhiên sang rừng trồng.

Tạo công ăn việc làm và cải thiện đời sống cho người dân địa phương. Khi việc định giá rừng và cho thuê rừng được tiến hành, nhiều công ty và doanh nghiệp thuê rừng tại địa phương đã cung cấp các dịch vụ du lịch và tạo việc làm cho người dân địa phương. Một số doanh nghiệp ở Ba Vì đã tạo công ăn cho khoảng 100 người hàng năm với thu nhập trung bình khoảng 6 triệu/tháng.

Năng lực của các cán bộ trẻ về phương pháp định giá rừng đã cải thiện theo thời gian. Tại một số nơi những cán bộ kiểm lâm trẻ, nhiệt huyết, chuyên môn tốt đã thực hiện các hướng dẫn định giá rừng khá hiệu quả. Phần lớn các cán bộ trực tiếp xây dựng khung giá rừng (ví dụ, tại Thanh Hóa) hiểu rõ phương pháp và cho rằng các phương pháp được ban hành hiện nay không hề khó. Bên cạnh đó, người dân địa phương có kiến thức sâu và hiểu biết về rừng sẽ giúp thực hiện định giá rừng hiệu quả hơn.

Thách thức trong việc thực hiện Định giá rừng

Khó khăn với các cơ quan nhà nước (các sở ban ngành)

Thiếu đồng bộ trong chính sách và phối hợp hiệu quả giữa các ngành. Theo đại diện của chính quyền địa phương tham gia phỏng vấn, mặc dù cần phải hạn chế việc phá rừng và chuyển đổi rừng sang các mục đích khác nhưng các quy định về giá đền bù rừng khi thủy điện lấy đất rừng lại quá thấp nên nhiều thủy điện của tư nhân phát triển ồ ạt và nạn phá rừng diễn ra tại nhiều tỉnh. Tại các tỉnh khảo sát, mặc dù Chi cục kiểm lâm đã công bố giá rừng từ các nghiên cứu định giá rừng của họ, nhưng

các bên liên quan không tuân thủ mà cho rằng họ sẽ chỉ thực hiện nếu đơn giá này là do Sở Tài chính quy định. Nhiều đại diện từ chính quyền địa phương đề xuất rằng giá rừng nên để Bộ Tài chính tham mưu, Bộ Nông nghiệp khảo sát thực hiện định hướng cho tỉnh vì các cơ quan của tỉnh chỉ tuân theo quy định về giá của Sở Tài chính và như vậy việc thực hiện chính sách này sẽ hiệu quả hơn. Hơn nữa, theo nhiều người tham gia phỏng vấn việc xử phạt căn cứ vào hành vi, khối lượng vi phạm theo Nghị định 157 là không thỏa đáng nên không có tính răn đe với các đối tượng phá rừng. Tại một số tỉnh khảo sát, cán bộ địa phương đề cập tới rất nhiều khó khăn trong giải quyết bồi thường thiệt hại khi thu hồi rừng do đất rừng được định nghĩa và quản lý bởi hai cơ quan khác nhau (Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Nông nghiệp và PTNT).

Những hạn chế về phương pháp định giá rừng hiện nay.

Các quy định về nguyên tắc và phương pháp định giá các loại rừng chưa rõ ràng, đặc biệt khi xử lý các trường hợp về chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, chuyển nhượng quyền sử dụng rừng, xử lý vi phạm trong công tác quản lý bảo vệ rừng còn gặp nhiều khó khăn. Với phương pháp xác định giá rừng chỉ dựa vào giá trị trực tiếp (lâm sản) thì rừng phòng hộ có giá trị sử dụng thấp hơn rừng sản xuất. Nhiều cán bộ tại các chi cục kiểm lâm tham gia phỏng vấn cho rằng quy định tính giá trị môi trường rừng từ giá trị trực tiếp theo hệ số K (từ 2 – 5) chưa có cơ sở khoa học rõ ràng. Các giá trị cảnh quan, bảo vệ nguồn nước, đa dạng sinh học, v.v, cần có một hệ số riêng để áp dụng cho phù hợp với từng giao dịch. Các địa phương cho rằng cần làm rõ những yếu tố đưa vào để định giá rừng và có các hướng dẫn cụ thể hơn. Ngoài ra, về mặt lý thuyết, định giá rừng phải được căn cứ từ chi phí của người sản xuất và lợi ích của người mua. Mức sẵn lòng chi trả của người mua được quyết định bởi nhiều yếu tố, trong đó yếu tố chủ đạo là lợi ích mang lại từ rừng trong khi mức chấp nhận bán của người bán được quyết định bởi chi phí tạo ra rừng. Do vậy, cùng một khu rừng sẽ có giá khác nhau tùy thuộc vào từng loại giao dịch cụ thể nhưng tất cả những điều này chưa thực sự được tính tới trong phương pháp định giá rừng hiện nay. Quy định xác định giá các loại rừng sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng trồng thực tế trên thị trường thực hiện cũng rất khó khăn, vì thị trường giao dịch về rừng hầu như chưa hình thành. Đối với các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, tổ chức, cá nhân phải có trách nhiệm trồng bù rừng hoặc phải nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng nhưng thực tế cho thấy quyết định này cũng chỉ dừng lại ở việc xác định chi phí đầu tư để thực hiện trồng và chăm sóc rừng 3 năm đầu không tính toán đầy đủ giá trị rừng. Một vấn đề khó khăn khác là với phương pháp định giá rừng và giá rừng hiện nay, giá đền bù rừng khi chuyển đổi sang xây dựng thủy điện là rất thấp. Khi các cơ quan quản lý thực hiện định giá rừng, giá đền bù đất rừng hiện nay chỉ xác định theo hai giá trị cơ bản là giá trị lâm sản và giá đất gây nhiều bất cập cho các cộng đồng địa phương. Ngoài ra, với các phương pháp định giá rừng hiện nay xu thế quy hoạch chuyển rừng tự nhiên sang rừng trồng ngày càng phổ biến (vd, Thái Nguyên).

Thiếu kinh phí để thực hiện định giá rừng. Mỗi phương pháp định giá rừng hiện nay được đưa ra đều có các ưu và nhược điểm nên cần thiết phải sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để nâng cao độ chính xác. Điều này cũng đồng nghĩa rằng cần phải có một khoản ngân sách tương xứng. Tuy nhiên, tại các tỉnh ngân sách dành cho việc định giá rừng không có hoặc vô cùng hạn hẹp. Ví dụ tại Thanh Hóa, để thực hiện được đầy đủ theo đúng yêu cầu, Chi cục kiểm lâm cần ít nhất 900 triệu để thực hiện định giá rừng. Tuy nhiên, tỉnh chỉ bố trí được số tiền ngân sách là 478 triệu cho việc điều tra, thu thập số liệu.

Thủ tục hành chính mất nhiều thời gian. Quá trình thực hiện định giá rừng và phê duyệt kết quả mất nhiều thời gian (theo các đại diện phỏng vấn mất khoảng 2-3 năm). Thủ tục hành chính chậm dần đến khi kết quả định giá rừng được phê duyệt và công bố đã không còn thể hiện đúng giá trị của rừng tại thời điểm ban hành văn bản. Hơn nữa, diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh có nhiều thay đổi nên giá rừng không chính xác khi chính thức được áp dụng. Một mặt khác, rừng không được định giá trước khi giao nên thiếu cơ sở pháp lý, gây khó khăn trong giải quyết bồi thường thiệt hại khi thu hồi rừng. Thị trường giao dịch là thị trường giao dịch quyền sử dụng rừng hoặc quyền sở hữu rừng nên có sự can thiệp và quản lý của nhà nước chặt chẽ, giá cả và quy mô giao dịch của thị trường phụ thuộc lớn vào các chính sách của nhà nước trong từng thời kỳ. Tuy nhiên, trong khi giá đất được cập nhật thay đổi hàng năm thì giá rừng nhiều năm vẫn không thay đổi và thiếu sự quan tâm của tỉnh cũng như các bên liên quan trong việc cập nhật và xác định giá trị thực của rừng.

Năng lực thực hiện định giá rừng không đồng đều giữa các cấp. Cho tới nay, theo đại diện của chính quyền địa phương tham gia phỏng vấn, cách hiểu về định giá rừng và năng lực thực hiện định giá rừng giữa các cấp là rất khác nhau. Chính sự khác nhau này tạo ra nhiều khó khăn trong việc thực hiện do không có sự đồng bộ và thống nhất trong cách thực hiện.

Công khai minh bạch kết quả Định giá rừng. Tại các hội thảo tổ chức tại 2 tỉnh Thái Nguyên và Thanh Hóa, các Sở Ban Ngành đều rất mong muốn nhận được kết quả và các thông tin liên quan đến định giá rừng nhưng cho rằng các thông tin này ít được chia sẻ và chỉ có Sở Nông Nghiệp và Phát Triển nông thôn biết chứ các Sở ban ngành thường không được chia sẻ thông tin cập nhật và đầy đủ dẫn đến việc phối hợp giữa các ban ngành chưa thực sự hiệu quả.

Khó khăn với Vườn Quốc Gia và Khu Bảo tồn

Cho tới nay, định giá rừng được kì vọng là khả thi và thực hiện thuận lợi tại các Vườn Quốc Gia và Khu bảo tồn. Tuy nhiên, các bên phỏng vấn cho rằng việc thực hiện định giá rừng ở các vườn quốc gia và khu bảo tồn còn gặp nhiều khó khăn.

Thủ tục phức tạp và chồng chéo. Theo đại diện của các vườn quốc gia tham gia tham vấn, thủ tục để tiến hành cho thuê rừng khá phức tạp. Tại VQG Ba Vì, phải mất 4 năm VQG mới hoàn thiện thủ tục cho thuê rừng đối với các công ty du lịch khiến các công ty bị thiệt hại về mặt tài chính và bỏ lỡ nhiều cơ hội. Mặc dù giá rừng phải được định giá cụ thể nhưng hầu hết theo nhiều VQG tham gia phỏng vấn thì việc này đều được lồng ghép vào phí vào cửa do UBND tỉnh quyết định nên không thể hiện đúng giá trị của rừng.

Tài chính và tính công bằng. Đối với nhiều địa phương và VQG, việc tiến hành đấu giá để xác định giá rừng gặp rất nhiều khó khăn vì số lượng cá nhân và công ty tham gia đấu giá hạn chế và không đủ số lượng theo quy định. Tại một số VQG khác, mặc dù có nhiều bên mong muốn thuê rừng nhưng lại không thực hiện được vì phải đảm bảo công bằng với doanh nghiệp đã đóng góp và đầu tư lâu dài cho các dịch vụ môi trường. Ví dụ, tại VQG Ba Vì có những doanh nghiệp đã nhận đất trồng, bảo vệ và cải tạo cảnh quan rừng trong nhiều năm, đã nâng cao giá trị cảnh quan và chất lượng rừng do vậy VQG không muốn đấu giá rừng vì muốn ưu tiên cho những đơn vị đã đầu tư vào phát triển và cải thiện dịch vụ môi trường rừng.

Chưa có động lực tài chính rõ ràng để hạn chế việc chuyển đổi đất rừng. Hiện nay giá bồi thường cho việc chuyển đổi rừng rất thấp do chỉ được tính dựa trên chi phí tiên công bảo vệ rừng, trồng rừng, giống, cây trồng, xử lý đất... chứ không hề tính đến yếu tố môi trường. Chi phí bồi thường cho việc chuyển đổi rừng quá thấp đã khiến nhiều doanh nghiệp tham gia phỏng vấn không ngần ngại chuyển đổi đất rừng.

Quy định chưa rõ đối với từng loại dịch vụ. Có nhiều loại dịch vụ môi trường rừng mới phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách nhưng chính sách chưa bắt kịp so với sự ra đời của các loại dịch vụ này. Ví dụ, tập đoàn Sun Group dự định đầu tư xây dựng cáp treo tại VQG Bến En nhưng Ban quản lý VQG chưa rõ phải tính phí thuê rừng dựa theo diện tích rừng hay theo dịch vụ cảnh quan, do đó các hoạt động cho thuê rừng đều hoãn lại.

Cơ chế chia sẻ lợi ích từ việc cho thuê rừng chưa thực sự tạo ra các động lực tài chính rõ ràng để các VQG thúc đẩy và thực hiện chính sách cho thuê rừng. Theo nhiều đại diện của các VQG được phỏng vấn, các VQG khá ngần ngại thực hiện chính sách định giá rừng bởi vì dù họ có thu được nhiều tiền từ việc cho thuê rừng, số tiền này sẽ được chuyển về cho trung ương chứ VQG không được tự chủ sử dụng tiền thu được. Hơn nữa, các VQG phỏng vấn lo ngại rằng việc nhận được nhiều tiền cho thuê rừng sẽ dẫn đến nguy cơ họ bị cắt giảm ngân sách nhà nước, do vậy họ không tích cực thực hiện chính sách định giá rừng.

Năng lực thực hiện các phương pháp định giá rừng tại các VQG còn hạn chế. Phần lớn các cán bộ tại các vườn quốc gia gặp nhiều khó khăn trong việc áp dụng phương pháp định giá rừng do nguồn lực tài chính và nhân lực còn hạn chế.

Khó khăn của doanh nghiệp

Quá dài và quá ngắn. Các doanh nghiệp tham gia khảo sát trong nghiên cứu này rất hào hứng với chính sách định giá rừng. Tuy nhiên, theo các doanh nghiệp được phỏng vấn, trở ngại lớn nhất đối với họ là thời hạn cho thuê ngắn trong khi thủ tục hành chính phức tạp và quá trình phê duyệt rất chậm. Các doanh nghiệp tham vấn cho rằng tại nhiều nơi, việc cải thiện chất lượng môi trường rừng cần ít nhất là 5-10 năm và nếu các doanh nghiệp bỏ đầu tư vào cải thiện chất lượng môi trường rừng nhưng không họ không chắc rằng họ có thể tiếp tục kí hợp đồng thuê rừng sau khi họ đã đầu tư vào cải tạo môi trường rừng nên khá ngần ngại trong việc thuê rừng.

Các chính sách chưa thực sự tạo ra các khuyến khích tài chính rõ ràng để các công ty du lịch thuê rừng. Tỷ lệ đất cho xây dựng hạ tầng trong các địa điểm thuê rừng là vấn đề quan ngại nhất của các doanh nghiệp. Một mặt, chi tiết thiết kế xây dựng cơ sở hạ tầng cần phải hạn chế tối đa trong khu vực rừng cho thuê để đảm bảo giá trị đa dạng sinh học và hạn chế các tác động và áp lực vào rừng. Mặt khác chi phí mà các công ty phải bỏ ra so với chi phí có thể thu lại được với diện tích cơ sở hạ tầng được phép xây dựng chưa tương xứng nên sẽ không tạo ra động lực tài chính đáng kể để các công ty lớn đầu tư. Hơn nữa, chính sách hiện nay, theo các doanh nghiệp nhìn nhận, chỉ xử phạt nếu doanh nghiệp làm không tốt nhưng lại không có cơ chế khuyến khích hoặc thưởng nếu doanh nghiệp thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng.

Khó khăn với cộng đồng địa phương

Định giá rừng và giá rừng được áp dụng khác nhau ở các địa phương khác nhau. Tại nhiều nơi, mặc dù các cộng đồng cùng quản lý một loại rừng nhưng lại nhận được các đơn giá đền bù và cho thuê rừng khác nhau do hai tình quy định khác nhau do đó gây ra nhiều thắc mắc trong cộng đồng địa phương.

Thiếu sự tham gia của người dân trong quá trình định giá rừng. Không có sự tham gia của người dân trong việc định giá rừng và thủ tục đền bù đã gây nhiều mâu thuẫn và thiếu tin tưởng thiếu thống nhất giữa người dân và đơn vị thực hiện đền bù. Hơn nữa sự thiếu minh bạch thông tin làm cho người dân không thể/ không có khả năng tiếp nhận thông tin về giá trị rừng của họ khi tham gia vào giao dịch mua bán, đền bù và cho thuê rừng. Phòng vấn các cơ quan nhà nước cho thấy các văn bản quy định về giá rừng thông thường chỉ có bản in lưu trữ trong cơ quan nhà nước chứ chưa có ngân sách và cơ chế để được chia sẻ thông tin rộng rãi tới các cấp và cộng đồng.

Thiếu thông tin: Hiện nay UBND xã và cộng đồng đang quản lý những diện tích rừng tự nhiên không nhỏ, nhưng cả UBND xã và cộng đồng hoàn toàn xa lạ với việc định giá rừng. Trong thực tế, hầu hết người dân tộc thiểu số, đặc biệt là hộ nghèo khi chuyển quyền sử dụng rừng tự nhiên, giá bán chủ yếu do người mua đặt giá, người bán không có căn cứ nào để đàm phán về giá chuyển nhượng quyền sử dụng rừng và vì vậy họ thường rơi vào tình trạng bán rẻ và giá đó không phản ánh được giá trị thực tế của rừng.

Kết luận

Chính sách định giá rừng tại Việt Nam mang lại nhiều hy vọng mới cho các bên có liên quan bởi giá trị của rừng sẽ được nhận diện và công nhận một cách đầy đủ hơn. Chính sách đã đem tới những thay đổi tích cực tại một số địa phương trong việc cải thiện môi trường, thực thi pháp luật tốt hơn và cải thiện điều kiện sống của người dân địa phương. Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách còn gặp nhiều khó khăn và cần có sự cải thiện cả về mặt chính sách và hướng dẫn thực hiện chính sách. Có nhiều bên đang tham gia, hưởng lợi và ảnh hưởng bởi chính sách này và họ đều có những nhu cầu, nguyện vọng và khó khăn riêng cần phải được xem xét lồng ghép và giải quyết trong quá trình hoàn thiện và thực hiện chính sách. Việc hoàn thiện chính sách và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách không chỉ tập trung vào hoàn thiện hướng dẫn định giá rừng, nâng cao năng lực của các bên liên quan mà cần có một cơ chế xây dựng chính sách thúc đẩy sự tham gia của các bên, đặc biệt là của người dân địa phương, các tổ chức dân sự, đồng thời lồng ghép, hài hòa hóa các chính sách hiện có và nâng cao phối hợp giữa các ngành.

Lời cảm ơn

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Sáng kiến khí hậu toàn cầu (IKI) thuộc Bộ Môi trường, bảo tồn thiên nhiên, cơ sở hạ tầng và An toàn hạt nhân (BMUB) và Cơ quan phát triển Na Uy (NORAD) đã hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu này. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn tới Vụ Kế Hoạch và Tài chính/Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam và các bên có liên quan đã hỗ trợ và đồng hành với nghiên cứu này của chúng tôi. Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ nhà tài trợ CGIAR. Xin truy cập vào đường link dưới đây để xem danh sách của các nhà tài trợ cho Quỹ: www.cgiar.org/about-us/our-funders/



RESEARCH
PROGRAM ON
Forests, Trees and
Agroforestry

Chương trình Nghiên cứu Rừng, Cây gỗ và Nông lâm kết hợp (FTA) của CGIAR là chương trình nghiên cứu lớn nhất trên thế giới về các chương trình phát triển để nâng cao vai trò của rừng, cây, và nông lâm kết hợp hướng tới phát triển rừng bền vững, đảm bảo an ninh lương thực và giảm thiểu và thích ứng biến đổi khí hậu. CIFOR chịu trách nhiệm chính về chương trình FTA cùng với các đối tác Bioversity International, CATIE, CIRAD, ICRAF, INBAR, và TBI.



Federal Ministry for the
Environment, Nature Conservation
and Nuclear Safety



cifor.org

forestsnews.cifor.org



Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)

CIFOR thúc đẩy sự phồn vinh của nhân loại, cải thiện bảo vệ môi trường và thúc đẩy sự bình đẳng thông qua tiến hành các nghiên cứu sáng tạo, xây dựng năng lực của các đối tác, và tích cực tham gia vào các thảo luận chính sách cùng các bên có liên quan để cung cấp các thông tin liên quan về hoạch định chính sách có ảnh hưởng tới rừng và con người. CIFOR là tổ chức nghiên cứu thuộc liên minh CGIAR. Trụ sở chính của CIFOR đặt tại Bogor, Indonesia với các văn phòng tại Nairobi, Kenya, Yaounde, Cameroon và Lima, Peru.

